

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 06-8-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hữu Đ (H), sinh năm 1978; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kim Q, sinh năm 1981; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B N, xã Đ T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Hữu Đ trình bày:

Anh và chị Q chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ T. Sau khi cưới, vợ chồng xây nhà sống trên đất của cha mẹ vợ tại ấp B N, xã Đ T cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Q và cha mẹ vợ coi thường anh và gia đình anh, anh đi làm bao nhiêu tiền cũng đưa hết cho chị Q giữ, anh cần gì cũng phải xin chị Q mới đưa, anh đi đâu, làm gì chị Q cũng không cho. Bất cứ chuyện gì chị Q và cha mẹ vợ

cũng chửi anh, cha anh bệnh chị Q cũng không về thăm. Mỗi lần cãi nhau chị Q đem đồ của anh ném ra ngoài nhưng vì thương con nên anh cố gắng nhịn nhục ở lại. Nhưng càng ngày chị Q càng quá đáng, chị Q nhiều lần dùng dao đuôi chém anh nhưng anh bỏ chạy kịp, không chịu nổi nên anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân hơn 07 tháng nay. Từ khi ly thân, chị Q có kêu anh quay về chung sống lại nhưng anh không về.

Nay anh yêu cầu ly hôn chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên: Trần Thị Thủy T, sinh ngày 10-6-2000 hiện đang đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 20-9-2014 đang theo sống với chị Q. Cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng khi ly hôn. Anh yêu cầu giao cháu N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Kim Q trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh Đ về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Chị giữ tiền là để lo cho các con, dành dụm trong gia đình chứ không phải để tiêu xài cá nhân, nhưng anh Đ thường khó chịu, nói chị dành giữ hết tiền. Từ đầu năm 2019 đến nay, chị phát hiện anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường hay đi chơi đánh bài, đi mua sắm với người này, chị giận quá mới dùng dao đuôi chém anh Đ. Chị nhiều lần khuyên anh Đ từ bỏ cờ bạc nhưng anh Đ không nghe. Từ khi ly thân chị có kêu anh Đ quay về chung sống lại nhưng anh Đ không về.

Nay chị yêu cầu được đoàn tụ cùng anh Đ vì chị còn tình cảm với anh Đ và muốn giữ gia đình cho các con.

Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng như sau:

Về con chung: Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 10-6-2000 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng khi ly hôn. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 20-9-2014, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Hữu Đ đối với chị Lê Thị Kim Q.

Về con chung: Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 10-6-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 20-9-2014 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Q chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ T nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và tự ly thân hơn 07 tháng nay. Anh Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do chị Q không tôn trọng anh và gia đình anh, chị Q giữ hết tiền không cho anh quyền quyết định trong gia đình, mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì chị Q ném đồ đạc của anh ra ngoài. Chị Q mất lòng tin với anh Đ về chuyện tình cảm, cụ thể chị cho rằng anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và trong lúc nóng giận chị đã có hành vi dùng dao đuôi chém anh Đ. Qua xác minh tại Công an xã Đ T thể hiện: chị Q và anh Đ thường xuyên mâu thuẫn nhau, đánh nhau gây mất trật tự tại địa phương, địa phương đã nhắc nhở nhiều lần. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy chị Q và anh Đ cũng thường cãi vã nhau và anh Đ bỏ nhà đi nhiều tháng nay, mỗi lần anh Đ về thăm con giữa chị Q và anh Đ cũng cãi nhau. Từ những phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn chị Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị Q có hai con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 10-6-2000 và Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 20-9-2014. Cháu T hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh Đ cũng đồng ý giao cháu N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi chị Q và anh Đ ly thân, chị Q là người nuôi dưỡng cháu N, hiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cháu là nữ và còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Hữu Đ được ly hôn chị Lê Thị Kim Q.

2. Về con chung: Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 10-6-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 20-9-2014 cho chị Lê Thị Kim Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Hữu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017173 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh Đ đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Đ T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc

